

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 04-3-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thành;

Ông Đặng Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Giữ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số 293A đường N, Khóm 7, Phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Lê Văn G, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 293A đường N, Khóm 7, Phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2022 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị P là nguyên đơn trình bày: Vào năm 1998, bà với ông Lê Văn G quen biết và tiến tới hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 03 tháng 4 năm 1998. Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 người con chung tên Lê

Thị Lan V, sinh năm 1999 và Lê Thị Thảo V1, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2011. Hiện tại 02 con đang sống cùng với bà P. Ông bà không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Về mâu thuẫn thì sau khi sinh cháu Thảo V1, khoảng giữa năm 2016 thì ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2018, ông G thường xuyên bỏ nhà đi, không chăm lo cho gia đình. Bà P có cố gắng hàn gắn nhưng không được.

Nay xét thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Bà P yêu cầu được ly hôn với ông G.

Về con chung: Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Thảo V1, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2011 và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Lê Thị Lan V, sinh năm 1999 đã thành niên nên bà P không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Văn G là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự có cơ hội đoàn tụ và thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không thành do ông Lê Văn G vắng mặt, bà Phạm Thị P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị P vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Ông Lê Văn G đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định riêng bị đơn Tòa án đã tiến hành xác minh nhưng đã rời bỏ địa phương.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P được ly hôn với ông Lê Văn G.

Về con chung: Bà P được quyền nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Thảo V1. Bà P không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Đối với con chung tên Lê Thị Lan V đã thành niên, bà P không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại Khóm 7, Phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa bà Phạm Thị P là nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Lê Văn G là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả bà P và ông G.

[2] Về mặt nội dung: Bà Phạm Thị P và ông Lê Văn G xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống giữa bà P và ông G có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà P trình bày là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Từ năm 2016, ông G thường bỏ nhà đi, không chăm lo cho gia đình. Đối với ông G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt và cũng không có ý kiến trình bày bằng văn bản gửi cho Tòa án. Điều này thể hiện ông G cũng không có mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà P, bỏ mặc mọi hậu quả xảy ra. Xét thấy hôn nhân giữa bà P và ông G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy yêu cầu ly hôn của của bà P là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị P có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Thảo V1, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2011. Trong quá trình giải quyết vụ án em Thảo V1 có ý kiến trình bày nguyện vọng muốn sống với bà P. Xét thấy yêu cầu của bà P phù hợp với nguyện vọng của em Thảo V1. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy cần giao em Thảo V1 cho bà P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông G có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Đối với con chung tên Lê Thị Lan V, sinh năm 1999, đã thành niên, bà P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị P trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Phạm Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 53, 54, 56, 57, 58 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P.

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị P được ly hôn với ông Lê Văn G.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Thảo V1, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2011 cho bà Phạm Thị P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Văn G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với con chung tên Lê Thị Lan V, sinh năm 1999, đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Phạm Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007478 ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên bà P không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tp Trà Vinh;
- Chi cục THADS Tp Trà Vinh;
- UBND xã T;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Khoa